TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:63/2021/QĐST-HNGĐ	*Thạch Thành, ngày 29 tháng 04 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HOÀ GIẢI THÀNH

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các điều 32, 33, 34, 35 và 36 Luật Hoà giải đối thoại tại Toà án.

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận kết quả hoà giải tại Toà án ngày 26 tháng 3 năm 2021, về việc các bên thoả thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn"

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 90/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 04 năm 2021 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con" giữa:

- *Người yêu cầu:*

Anh Bùi Văn T - Sinh năm: 1991

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện T, Thanh Hoá.

Chị Trần Thị T - Sinh năm: 1992

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện T, Thanh Hoá.

XÉT THẤY:

Nội dung thoả thuận, thống nhất của các bên được ghi nhận trong Biên bản ghi nhận kết quả hoà giải tại Toà án đã có đủ điều kiện quy định tại Điều 33 Luật hoà giải đối thoại tại Toà án.

Đã hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Toà án nhận được Biên bản ghi nhận kết quả hoà giải và tài liệu kèm theo. Không có bên nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hoà giải thành tại Toà án của các bên cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: anh Bùi Văn T và chị Trần Thị T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Bùi Văn T và chị Trần Thị T có 02 con chung là cháu Bùi Trần Bảo N, sinh ngày 21/12/2014 và cháu Bùi Trần Bảo V, sinh ngày 09/4/2019. Sau khi ly hôn chị T trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu N và V, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T. Anh T được quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm cản trở.

- Về tài sản chung: Anh Bùi Văn T và chị Trần Thị T không yêu cầu giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Anh Bùi Văn T và chị Trần Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Bùi Văn T và chị Trần Thị T thống nhất, thỏa thuận anh Bùi Văn T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm anh T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành theo biên lai số: AA/2018/0003080 ngày 14/04/2021. Anh Bùi Văn T đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

4. Các bên, người đại diện hoặc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến quyết định của Toà án có quyền đề nghị xem xét lại quyết định trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định.

5. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kiến nghị xem xét lại quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định của Toà án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã Ng;
- Chi cục THADS huyện Thạch Thành;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Cúc